

**BẢN TIN PHÁP LUẬT TUẦN 2 THÁNG 8/2019**

**I. MỘT SỐ CHẾ ĐỘ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI CÁC VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/7/2019**

**Ngày 09/5/2019, Chính phủ ban hành Nghị định 38/2019/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.**

Theo đó, quy định mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ở cấp huyện, ở cấp xã, ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang.

Từ ngày 01/7/2019, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng (tăng 100.000 đồng/tháng so với quy định hiện hành).

Mức lương cơ sở này dùng làm căn cứ để:

- Tính mức lương trong các bảng lương, mức phụ cấp và thực hiện các chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này;

- Tính mức hoạt động phí, sinh hoạt phí theo quy định của pháp luật;

- Tính các khoản trích và các chế độ được hưởng theo mức lương cơ sở.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019 và thay thế cho Nghị định 72/2018/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Do đó, các khoản theo chế độ bảo hiểm dành cho người lao động dựa trên mức lương này cũng tăng, cụ thể như sau:

**1. Về chế độ ốm đau:** Điều 29 Luật BHXH 2014 quy định về chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau: Mỗi ngày nghỉ được hỗ trợ 30% mức lương cơ sở: 1,49 triệu đồng x 30% = 447.00 đồng

**2. Về chế độ thai sản:**

- Điều 38 Luật BHXH 2014 quy định về trợ cấp một lần khi sinh con: Trợ cấp một lần cho mỗi con bằng 02 lần mức lương cơ sở tại tháng sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi: 1,49 triệu đồng x 2 = 2,98 triệu đồng

Trường hợp chỉ có cha tham gia bảo hiểm xã hội thì cha được hưởng khoản trợ cấp này.

- Điều 41 Luật Bảo hiểm xã hội 2014 quy định về chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau sinh: Mỗi ngày nghỉ được hỗ trợ 30% mức lương cơ sở: 1,49 triệu đồng x 30% = 447.000 đồng

### **3. Về chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:**

- Điều 46 Luật bảo hiểm xã hội 2014 quy định về trợ cấp một lần (suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30% như sau: Suy giảm 5% thì hưởng 05 lần mức lương cơ sở, sau đó cứ giảm thêm 1% thì hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở: 1,49 triệu đồng x 5 = 7,45 triệu đồng (mức tối thiểu)

- Điều 47 Luật BHXH 2014 quy định về trợ cấp hàng tháng (suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên) như sau: Suy giảm 31% thì hưởng 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ giảm thêm 1% thì hưởng thêm 2% mức lương cơ sở: 1,49 triệu đồng x 30% = 447.000 đồng/ tháng (mức tối thiểu)

- Điều 50 Luật BHXH 2014 quy định về trợ cấp phục vụ (suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, liệt cột sống, mù 2 mắt, cụt, liệt 2 chi hoặc bị tâm thần) như sau: Ngoài tiền trợ cấp hàng tháng, còn được hưởng trợ cấp phục vụ bằng mức lương cơ sở: 1,49 triệu đồng/ tháng.

- Điều 51 Luật BHXH 2014 quy định về trợ cấp một lần khi chết, thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng 36 lần mức lương cơ sở: 1,49 triệu đồng x 36 = 53,64 triệu đồng.

- Điều 52 Luật BHXH 2014 quy định về dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau điều trị thương tật, bệnh tật như sau: Nếu nghỉ tại gia đình, mức hưởng mỗi ngày bằng 25% mức lương cơ sở: 1,49 triệu đồng x 25% = 372.500 đồng/ ngày; nếu nghỉ tại cơ sở tập trung, mức hưởng mỗi ngày bằng 40% mức lương cơ sở: 1,49 triệu đồng x 40% = 596.000 đồng/ ngày.

## **II. CƠ QUAN BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CUNG CẤP DỊCH VỤ TIN NHẮN THỰC HIỆN TRONG LĨNH VỰC BHXH, BHYT**

**Hỏi:** Người lao động có thể nhắn tin tra cứu thông tin Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế được không? Cách tra cứu như thế nào?

**Trả lời:**

**Căn cứ pháp lý:** Thông báo của BHXH Việt Nam qua Công văn số 330/CNTT-PM ngày 03/4/2019

## **Giải quyết tình huống:**

Theo nội dung của Công văn số 330/CNTT-PM ngày 03/4/2019, Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam cung cấp dịch vụ tin nhắn thực hiện trong lĩnh vực BHXH, BHYT như sau:

### **1. Tra cứu thời gian tham gia BHXH**

- Cách 1: BH<dấu cách>QT<dấu cách>Mã số BHXH gửi 8079 (Cước phí 1.000 đồng/tin nhắn) Ví dụ: Soạn BH QT 0110129425 gửi 8079
- Cách 2: TC<dấu cách>BHXH<dấu cách>Mã số BHXH gửi đến 8179 (Cước phí 1.500 đồng/tin nhắn).

Ví dụ: Soạn TC BHXH 0110129425 gửi đến 8179

### **2. Tra cứu thời hạn sử dụng thẻ BHYT**

- Cách 1: BH<dấu cách>THE<dấu cách>Mã thẻ BHYT gửi 8079  
Ví dụ: Soạn BH THE HC4010110129425 gửi 8079
- Cách 2: TC<dấu cách>BHYT<dấu cách>Mã thẻ BHYT gửi đến 8179  
Ví dụ: Soạn TC BHYT HC4010110129425 gửi 8179

### **3. Tra cứu hồ sơ đã nộp, tình trạng hồ sơ**

- Cách 1: BH<dấu cách>HS<dấu cách>Mã hồ sơ gửi 8079  
Ví dụ: Soạn BH HS 04486.G/2019/08708 gửi 8079
- Cách 2: TC<dấu cách> HS<dấu cách>Mã hồ sơ gửi 8179  
Ví dụ: Soạn TC HS 04486.G/2019/08708 gửi 8179

### **4. Tra cứu thời gian tham gia BHXH theo năm**

- Cách 1: BH<dấu cách>QT<dấu cách>Mã số BHXH<dấu cách>{Từ năm}<dấu cách>{Đến năm} gửi 8079  
Ví dụ: Soạn BH QT 0110129425 2017 2018 gửi 8079
- Cách 2: TC<dấu cách>BHXH<dấu cách>{ mã số BHXH}<dấu cách>{từ năm}<dấu cách>{đến năm} gửi đến 8179.

Ví dụ: Soạn TC BHXH 0110129425 2017 2018 gửi 8179

### **5. Tra cứu thời gian tham gia BHXH theo khoảng thời gian**

- Cách 1: BH<dấu cách>QT<dấu cách>Mã số BHXH<dấu cách>{Từ tháng – năm}<dấu cách>{Đến tháng – năm} gửi 8079  
Ví dụ: Soạn BH QT 11012942 012017 022018 gửi 8079
- Cách 2: TC<dấu cách>BHXH<dấu cách>{ mã số BHXH}<dấu cách>{từ năm}<dấu cách>{đến năm} gửi đến 8179.

Ví dụ: Soạn TC BHXH 11012942 012017 022018 gửi 8179

### III. TÌNH HUỐNG: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGÀY NGHỈ HÀNG NĂM

Anh M là nhân viên thí nghiệm tại Công ty Dệt X., thành phố Hồ Chí Minh đã được hơn 5 năm. Tết Nguyên đán 2019, vợ chồng anh đã đặt vé tàu hỏa để về thăm quê ở tận Ninh Bình.

Do đợt này, anh M kết hợp về ăn Tết và giải quyết việc riêng, nên ngoài 9 ngày nghỉ theo quy định của nhà nước, anh xin nghỉ phép thêm 6 ngày là tròn nửa tháng và cũng hết một nửa số phép năm theo tính toán của anh. Tuy nhiên, do thời gian đi và về đã hết tới 4 ngày nên thời gian dành cho việc riêng không đủ. Anh muốn xin nghỉ thêm 2 ngày để giải quyết công việc cho xong, nhưng nếu vậy, anh chỉ còn có 4 ngày phép của năm 2019, sợ khi hết phép mà có việc đột xuất lại phải nghỉ không lương. Anh đem chuyện than thở với vợ. Vợ anh ngồi lẩm nhẩm tính rồi nói, nếu nghỉ tiếp 2 ngày, anh vẫn còn những 7 ngày phép, chứ không phải 4. Anh M ngạc nhiên và khẳng khái rằng, anh chỉ còn có 4 ngày.

Xin hỏi, cách tính phép của anh M hay vợ anh mới là đúng theo quy định của pháp luật? Tại sao?

#### Trả lời

**1. Căn cứ pháp lý:** Bộ luật Lao động năm 2012

**2. Xử lý tình huống:**

Căn cứ vào Mục a, **Khoản 1 và Khoản 4, Điều 111, Bộ luật Lao động năm 2012**, quy định về nghỉ hàng năm:

*“1. Người lao động có đủ 12 tháng làm việc cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động như sau:*

*a) 12 ngày làm việc đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường;...”*

*“...4. Khi nghỉ hằng năm, nếu người lao động đi bằng các phương tiện đường bộ, đường sắt, đường thủy mà số ngày đi đường cả đi và về trên 02 ngày thì từ ngày thứ 03 trở đi được tính thêm thời gian đi đường ngoài ngày nghỉ hằng năm và chỉ được tính cho 01 lần nghỉ trong năm.”*

**Và Điều 112, Bộ luật Lao động năm 2012**, quy định về ngày nghỉ hàng năm tăng thêm theo thâm niên làm việc:

*“Cứ 05 năm làm việc cho một người sử dụng lao động thì số ngày nghỉ hằng năm của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 111 của Bộ luật này được tăng thêm tương ứng 01 ngày.”*

Như vậy, do thời gian tàu di chuyển từ thành phố Hồ Chí Minh tới Ninh Bình và ngược lại, kéo dài tới 4 ngày, nên anh M sẽ được tính thêm thời gian đi đường 2 ngày nữa. Bởi vậy, dù có xin nghỉ phép thêm 2 ngày, thì số ngày phép còn lại của anh vẫn giữ nguyên là 6 ngày. Ngoài ra, do anh M đã làm việc ở Công ty Dệt X. đã hơn 5 năm, nên đương nhiên số ngày phép của anh được tăng thêm 1 ngày, tổng cộng là 13 ngày. Do vậy, sau khi trừ đi số ngày nghỉ đợt này là 6, anh vẫn còn lại 7 ngày phép.

Như vậy, cách tính phép của vợ anh M mới là đúng với quy định của pháp luật.

#### IV. QUY ĐỊNH GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN SINH HOẠT ÁP DỤNG TỪ NGÀY 20/3/2019

Giá bán lẻ điện sinh hoạt áp dụng từ ngày 20/3/2019 là bao nhiêu?

**Trả lời:**

**1. Căn cứ pháp lý:** Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2019 Về điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện của Bộ Công Thương.

**2. Xử lý tình huống :** Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 648/QĐ-BCT

##### **Điều 1.**

1. Mức giá bán lẻ điện bình quân là 1.864,44 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

2. Ban hành giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện và giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện tại Phụ lục kèm theo Quyết định này. Giá bán điện quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Thời gian áp dụng giá bán điện: Từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **PHỤ LỤC**

##### **GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN SINH HOẠT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ Công Thương)*

<b>TT</b>	<b>Nhóm đối tượng khách hàng</b>	<b>Giá bán điện (đồng/kWh)</b>
<b>4</b>	<b>Giá bán lẻ điện cho sinh hoạt</b>	
<b>4.1</b>	<b>Giá bán lẻ điện sinh hoạt</b>	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0-50	1.678
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.734
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	2.014
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	2.536
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.834
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.927

***(Đính kèm File tính tiền điện sinh hoạt)***